

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **378/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 12/10/2018
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mộng Hà.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ hội liên hiệp phụ nữ.

Ông Nguyễn Trung Diễn- Cán bộ hưu trí.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:* Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1561/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2018/QĐXX-ST ngày 25/09/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Thanh L, sinh năm 1988.
Địa chỉ: 71B, tổ 30, KP.5, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- **Bị đơn:** Bà Mai Thị Xuân H, sinh năm 1991.
Địa chỉ: 121, Nguyễn Tri Phương, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Thanh L trình bày: ông và bà H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2010, đã được UBND phường B, thành phố B, Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung

sống với nhau không hạnh phúc nguyên nhân do không hợp tính tình, không còn tình cảm gì với nhau nên đã ly thân hơn hai năm nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Tuấn A, sinh ngày 05/12/2011. Ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tuấn A và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Mai Thị Xuân H trình bày: Bà và ông L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2010, đã được UBND phường B, thành phố B, Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nay ông L nộp đơn xin ly hôn với bà, bà không đồng ý ly hôn. Bà thừa nhận hai ông bà không còn tình cảm với nhau nữa, hai bên đã ly thân với nhau được hơn hai năm nay rồi. Tuy nhiên bà không đồng ý ly hôn vì bà muốn để cháu Tuấn A trên 7 tuổi sẽ hỏi ý kiến của cháu xem cháu muốn ở với ai khi đó bà mới quyết định ly hôn hay không.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Tuấn A, sinh ngày 05/12/2011. Nếu ly hôn thì bà xin được nuôi cháu Tuấn A, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua tranh tụng tại phiên Tòa, bà H đồng ý ly hôn với ông L, đồng ý giao cháu Tuấn A cho ông L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- + Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 05/12/2011 cho ông L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời bà H không cấp dưỡng nuôi con.
- + Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.
- + Về án phí: ông L phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Thanh L và bà Mai Thị Xuân H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Căn cứ các Điều 9,10,11,12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của ông L và bà H là hợp pháp. Nay ông L xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của ông L: ông L xin ly hôn với bà H với lý do không hợp tính tình, không còn tình cảm gì với nhau nên đã ly thân hơn hai năm nay. Về phía bà H tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải bà cũng thừa nhận không còn tình cảm với ông L nhưng bà không đồng ý ly hôn vì bà muốn để cháu Tuấn A trên 7 tuổi sẽ hỏi ý kiến của cháu xem cháu muốn ở với ai khi đó bà mới quyết định ly hôn hay không.

Tại phiên Tòa hôm nay bà H đồng ý ly hôn với ông L. Xét thấy nền tảng của hôn nhân dựa trên cơ sở tình cảm, nay ông L và bà H không còn tình cảm với nhau nên có hàn gắn níu kéo ông bà cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Trần Thanh L, cho ông Trần Thanh L được ly hôn với bà Mai Thị Xuân H là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Tuấn A, sinh ngày 05/12/2011. Ly hôn ông L xin nuôi con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về phía bà H cũng xin nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Bà cũng thừa nhận ông L nuôi cháu rất tốt, bà muốn nuôi cháu bởi vì bà muốn cháu sống với bà và sau này nếu có điều kiện bà sẽ chăm sóc cháu tốt hơn.

Trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và nơi cháu Tuấn A đang học thì được biết cháu phát triển bình thường, học rất giỏi và ngoan ngoãn. Tại phiên Tòa hôm nay bà H cũng đồng ý giao

cháu Tuấn A cho ông L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời bà H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi con là bổn phận và trách nhiệm của các bậc làm cha và mẹ, ông L và bà H có nguyện vọng nuôi con là chính đáng. Nhưng trường hợp này nhằm đảm bảo sự phát triển của trẻ, tránh xáo trộn trong cuộc sống của trẻ và tại phiên tòa bà H cũng đồng ý giao con chung cho ông Luân nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thiết nghĩ tiếp tục giao cháu Tuấn A cho ông H chăm sóc nuôi dưỡng là thỏa đáng và phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông L, bà H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 203, 228, 233, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84; Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Thanh L Ông Trần Thanh L được ly hôn với bà Mai Thị Xuân H.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Tuấn A, sinh ngày 05/12/2011. Ly hôn giao cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 05/12/2011 cho ông Trần Thanh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Hữu được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Thanh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo Biên lai thu số 007822 ngày 21/06/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- VKSND thành phố B(2);
- THA Dân sự (1);
- UBND phường B,
Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- Đương sự (2).
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mộng Hà